TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Văn Ấn
2/ Ông Dương Vương Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị N Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc K, sinh năm 19xx, tại Tiền Giang; tên gọi khác: Hi; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; căn cước công dân số: 082094006541, cấp ngày 44376, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 19xx và bà Đỗ Kim N, sinh năm 19xx; vợ: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 19xx ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang; có 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 22/02/2024 theo lệnh tạm giam số 07/LTG-ĐTTH, ngày 21/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú Đông.

- Bị hại:
1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx (có mặt).
2/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).
3/ Bà Lê Thị N Nga, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.
2/ Chị Nguyễn Thị Băng T, sinh năm 20xx (xin vắng mặt).
3/ Bà Đỗ Kim N, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, bị cáo K kết hôn với chị T nên bị cáo chuyển về sống chung với gia đình chị T tại ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Sau đó, bà Đ (là mẹ vợ của bị cáo) cho vợ chồng bị cáo cất nhà (thô sơ) ở nhờ trên đất bà T (cất kế nhà bà T) để vợ chồng bị cáo sinh sống.

Khoảng đầu năm 2023, bà L có nghe bà Đ nói lại là bà bị cáo có đến Ủy ban nhân dân xã P làm dùm hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp gia đình có công với cách mạng (chồng bà Đ là ông Nguyễn Văn B có công với cách mạng) và bà Đ đã được hưởng trợ cấp hàng tháng. Bà L đến nhà bị cáo nhờ làm dùm hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp gia đình có công với cách mạng cho bà L (chồng bà L là ông Trần Văn O là người có công với cách mạng) thì bị cáo đồng ý. Sau đó, bị cáo yêu cầu bà L đưa cho bị cáo bản photo căn cước công dân của bà L và bản photo bằng khen của ông O để làm hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp. Khi bị cáo đem giấy tờ trên đến Ủy ban nhân dân xã P thì không được nhận hồ sơ không đủ giấy tờ nên bị cáo đem trả lại các giấy tờ trên cho bà L.

Đến đầu tháng 8/2023, bị cáo cần tiền mua xe cũ để sửa chữa, bán lại cho người khác để kiếm lời nên bị cáo nảy sinh ý định lừa bà L để chiếm đoạt tiền của bà L. Sau khi bị bắt quả tang và qua điều tra, bị cáo khai đã thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản (tiền) của bà L tổng cộng 21 lần, cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2023 (ngày không nhớ), bị cáo gọi điện thoại cho bà L và kêu bà L đem đến nhà bị cáo 02 bản photo giấy căn cước công dân của bà L và 02 bản photo giấy căn cước công dân của ông O cùng 5.500.000 đồng. Khi bà L đến, bà L và bị cáo nói chuyện bên trong nhà. Bị cáo nói dối là nhờ được người khác làm hồ sơ cho bà L. Bà L tin và đưa tiền cho bị cáo lần thứ 1 là 5.500.000 đồng. Khi đó, bị cáo lấy 01 con dấu có chữ "Nguyễn Tuấn H" và hình chữ ký và 01 con dấu có chữ "Đại tá Nguyễn Tuấn H" đóng vào 02 bản photo căn cước công dân của bà L và 02 bản photo giấy căn cước công dân của ông Trần Văn O. Bị cáo đưa lại cho bà L 01 bản photo căn cước của bà L và 01 bản căn cước của ông O đã đóng dấu, để tạo sự tin tưởng của bà L. Còn lại 02 bản pho to bị cáo giữ. Bị cáo khai 02 con dấu trên do một người bạn tên T làm chung công ty ở Long An trước đây đã cho bị cáo. Bị cáo không biết họ và địa chỉ người cho các con dấu. Cũng với thủ đoạn như trên, trong tháng 8/2023 (không nhớ ngày), bà L đưa tiền cho bị cáo lần thứ 2 là 5.000.000 đồng, đưa lần thứ 3 là 6.000.000 đồng, đưa lần thứ 4 là 9.000.000 đồng, đưa lần thứ 5 là 5.000.000 đồng, đưa lần thứ 6 là 2.600.000 đồng, đưa lần thứ 7 là 720.000 đồng, đưa lần thứ 8 là 675.000 đồng. Trong tháng 11/2023 (ngày không nhớ), bà L đưa tiền cho bị cáo lần thứ 9 là 17.194.000 đồng, đưa lần thứ 10 là 5.500.000 đồng.

Tháng 12/2023 (ngày không nhớ), đưa tiền lần thứ 11 là 5.000.000 đồng. Trong ngày 27/01/2024, bà L đưa lần thứ 12 là 2.000.000 đồng, đưa lần thứ 13 là 6.000.000 đồng, đưa lần thứ 14 vào ngày 30/01/2024 số tiền 9.367.000 đồng. Đưa lần thứ 15 vào ngày 01/02/2024 số tiền là 6.400.000 đồng. Trong ngày 01/02/2024, bà L đưa lần thứ 16 là 550.000 đồng, đưa lần thứ 17 là 9.000.000 đồng, đưa lần thứ 18 là 6.600.000 đồng. Trong ngày 03/02/2024, bà L đưa lần 19 là 7.000.000 đồng, đưa lần thứ 20 là 3.000.000 đồng. Đến ngày 19/02/2024, bà L đưa lần thứ 21 là 8.000.000 đồng. Trước khi đưa tiền lần này, bà Lời gửi đơn tố giác bị cáo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú Đông về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại thời điểm bị cáo nhận tiền của bà Lời, thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Số tiền bị cáo đoạt của bà L tổng cộng là 120.106.000 đồng. Trong 21 lần lừa bà Lời lấy tiền, bị cáo trực tiếp nhận tiền 19 lần. Bị cáo nhờ chị T nhận 02 lần và chị T đã chuyển khoản lại cho bị cáo. Chị T không nhớ cụ thể số tiền nhận dùm và đã chuyển khoản cho bị cáo.

Bị cáo trực tiếp điện thoại cho bà L yêu cầu đưa tiền tổng cộng 20 lần và 01 lần bị cáo nhờ người đi mua tôm tên V và Đ (không rõ họ tên, địa chỉ), gọi điện cho bà L giả làm nhân viên ngân hàng để thông báo về hồ sơ của bà L và yêu cầu bà L đưa thêm tiền cho bị cáo để giải ngân. Mục đích bị cáo nhờ anh V và anh Đ gọi điện cho bà L là để bà L tin tưởng để đưa thêm tiền cho bị cáo. Qua điều tra, bị cáo khai còn lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của 02 người khác như sau:

Thứ nhất, vào đầu năm 2023 (không nhớ ngày), bị cáo lừa bà Đ nói là sẽ làm lại hồ sơ hưởng trợ cấp để nhận trợ cấp hàng tháng là 4.000.000 đồng sẽ cao hơn mức trợ cấp đang nhận hàng tháng là 900.000 đồng. Bà Đ tin và đã đưa cho bị cáo nhiều lần tiền (không nhớ cụ thể số tiền từng lần đưa), tổng cộng bà Đ đã đưa cho bị cáo là 3.325.000 đồng. Đến khoảng tháng 02/2023 (không nhớ ngày), bị cáo thấy bà Đ không có tiền tiêu xài nên đã trả lại cho bà Đ 625.000 đồng và nói lý do là người làm hồ sơ chỉ nhận 2.700.000 đồng.

Thứ 2, cũng vào tháng 02 năm 2023 (không nhớ ngày), với cách thức như lừa bà Đ và bà L, bị cáo đã lừa bà Lê Thị N N để chiếm đoạt với số tiền là 800.000 đồng. Sau đó, bị cáo gọi điện nhiều lần yêu cầu bà N đưa tiền thêm nhưng bà N nghi ngờ nên không đưa tiền tiếp cho bị cáo. Đến tháng 03/2023 (không nhớ ngày), bị cáo đã trả lại cho bà N 800.000 đồng vì sợ bà N phát hiện hành vi lừa đảo của bị cáo.

Như vậy, bị cáo đã lừa đảo, chiếm đoạt của 03 người, với tổng số tiền là 124.231.000 đồng. Bị cáo tự quản lý tiền chiếm đoạt và sử dụng như sau: Bị cáo chuyển vào tài khoản của chị T (em bị cáo) nhiều lần tiền, tổng cộng là 46.100.000 đồng để nhờ chị T rút tiền đưa cho bà N (mẹ bị cáo) cất giữ dùm bị cáo. Bị cáo mua 02 xe mô tô đã qua sử dụng với số tiền 5.500.000 đồng; mua phụ tùng để sửa xe với số tiền là 17.000.000 đồng; mua 02 (hai) xe đạp hiệu Martin (đã qua sử dụng) với số tiền 1.300.000 đồng, tổng cộng là 23.800.000 đồng. Số tiền còn lại 54.331.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ khi bị bắt gồm: 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu) có số seri R9YRA06G62N. Bên trong có 02 (hai) sim, trên mặt sim có các số gồm 8984048000385464497; 8401230212151266; 01 (một) giấy pho to căn cước công dân tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, ngụ ấp G, xã P, huyện Tân

Phú Đông, mặt bên: có dòng chữ Nguyễn Tuấn H và hình chữ ký; có dòng chữ ghi xác nhận ban xanh đạo sư đoàn, cùng hình chữ ký và dòng chữ Đại tá Nguyễn Tuấn H (thu được trong bóp của bị cáo); 01 (một) đôi giấy tập học sinh đã qua sử dụng (ghi nhiều nội dung) có hình chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 (ba) tờ giấy pho to căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 (ba) tờ giấy pho to căn cước công dân mang tên Trần Văn O, sinh năm 1967 ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 01 (một) dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu hình chữ ký và tên "Nguyễn Tuấn H", không xác định được chất liệu (đã qua sử dụng); 01 (một) dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu tên "Đại tá Nguyễn Tuấn H", không xác định được chất liệu (đã qua sử dụng); 01 (một) xe môt tô hiệu Nouvo biển số 79T2 - 7758 (đã qua sử dụng), không kiểm tra tình trạng bên trong, xe không khởi động được; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 79T2 - 7758; 02 (hai) xe đạp hiệu Martin (đã qua sử dụng); 01 (một) xe đạp điện màu xanh (không sử dụng được); 01 (một) xe đạp điện màu đỏ đô (không sử dụng được); 01 (một) laptop không xác định nhãn hiệu, đã qua sử dụng (không xác trình trạng bên trong); 01 (một) túi chuyên dụng để bảo quản máy tính xách tay, màu đen (không xác định chất liệu), có rích kéo để khóa (đã qua sử dụng) (không kiểm tra tình trạng bên trong); 16 (mười sáu) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), có các số seri như sau: MZ 18645873; DB 16877289; MP 16558047; DT 15967961; UZ 17230964; GH 06744185; XZ 15087853; JQ 15138018; MM 16322756; BQ 17098304; PO 16312218; KJ 15167915; EC 10128986; VF 14641774; GR 15677990; UR 15242642. Tất cả 16 tờ tiền trên được niêm phong trong một bìa thư màu trắng, có các chữ ký của Nguyễn Quốc K - Người bị bắt; Nguyễn Quốc N - Kiểm sát viên; Nguyễn Văn H - Điều tra viên; Đỗ Thanh H - Phó Công an xã P và hình dấu tròn màu đỏ, bên trong có chữ Công an xã P - Công an huyện Tân Phú Đông - Tỉnh Tiền Giang; số tiền 46.100.000 đồng do Nguyễn Thị Băng T, sinh ngày 11/06/2004, ngụ ấp Tân Phú, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang giao nộp; số tiền 2.000.000 đồng do Nguyễn Thị Kim T giao nộp.

Theo kết luận giám định số 409/KL-KTHS ngày 08/04/2024 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận: 16 (mười sáu) tờ tiền Polymer Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có số seri: VF 14641774; MZ 18645873; MM 16322756; MP 16558047; DT 15967961; UZ 17230964; GH 06744185; XZ 15087853; JQ 15138018; UR 15242642; GR 15677990; EC 10128986; KJ 15167915; PO 16312218; BQ 17098304; DB 16877289 là tiền thật.

Qua điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Tại Cáo trạng số: 15/CT-VKSTPĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc K về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc K phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài*

sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 22/02/2024; về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu, lưu cùng hồ sơ 01 (một) giấy pho to căn cước công dân tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông (của bị hại giao cho K) thu được từ trong bóp của Nguyễn Quốc K, mặt bên: có dòng chữ Nguyễn Tuấn H cùng hình chữ ký; có dòng chữ ghi xác nhận ban xanh đạo sư đoàn, cùng hình chữ ký và dòng chữ Đại tá Nguyễn Tuấn H; 01 (một) đôi giấy tập học sinh đã qua sử dụng (ghi nhiều nội dung) có hình chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 (ba) tờ giấy pho to căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 (ba) tờ giấy pho to căn cước công dân mang tên Trần Văn O, sinh năm 1967 ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; Tịch thu tiêu hủy - 01 (một) dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu tên Nguyễn Tuấn H và hình chữ ký; 01 (một) dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu tên Đại tá Nguyễn Tuấn H, không xác định được chất liệu (đã qua sử dụng). Tịch thu, sung công quỹ nhà nước; Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động (không xác định nhãn hiệu) đã qua sử dụng có số sêri R9YRA06G62N. Bên trong có 02 (hai) sim, trên mặt sim có các số gồm 8984048000385464497; 8401230212151266; 01 (một) xe môt tô hiệu Nouvo biển số 79T2 - 7758 (đã qua sử dụng), không kiểm tra tình trạng bên trong, xe không khởi động được; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 79T2 – 7758; 02 (hai) xe đạp hiệu Martin (đã qua sử dụng); 01 (một) xe đạp điện màu xanh (không sử dụng được); 01 (một) xe đạp điện màu đỏ đô (không sử dụng được); Không áp dụng hình phạt bổ sung; Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét; Buộc bị cáo Nguyễn Quốc K phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ tang vật đúng như biên bản đã lập. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năng, hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt sớm về phụ giúp gia định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ, vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Quốc K là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng đã thực hiện các hành vi tội phạm cụ thể là: Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2023

đến ngày 19/02/2024 tại ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tiền của 03 người như sau: chiếm đoạt của bà L 120.106.000 đồng, của bà Đ là 3.325.000 đồng và của bà N là 800.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 124.231.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; ..."

[3] Xét về động cơ và mục đích phạm tội: Bị cáo Nguyễn Quốc K đủ khả năng để nhận biết được hành vi dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của người khác, lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật. Do muốn muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn lao động chân chính, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm lừa đảo như đã nêu trên. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho mọi người.

Tuy nhiên qua bản án này, người dân cần phải nâng cao trách nhiệm của mình để thường xuyên tìm hiểu quy định pháp luật, luôn cảnh giác trong việc phòng chống tội phạm và cần rút ra bài học kinh nghiệm để không tạo điều kiện cho tội phạm xảy ra.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bà N giao nộp số tiền 46.100.000 đồng **(**chị Tâm đi nộp thay**)**, chị T giao nộp 2.000.000 đồng **(**tiền bán xe mô tô bị cáo dùng tiền lừa đảo mua được**)**, tiền thu giữ khi bắt quả tang là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đã thu giữ là 56.100.000 đồng, có nguồn gốc là tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại nên là vật chứng của vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền này. Do đó, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà L còn lại là 64.006.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo đồng ý bồi thường 64.006.000 đồng theo yêu cầu của bà L. Bị cáo đã trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 800.000 đồng trước khi bị bắt quả tang. Bà Nguyễn Thị Đ không có yêu

cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 2.700.000 đồng nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 giấy photo căn cước công dân tên Nguyễn Thị L (thu được từ trong bóp của bị cáo), mặt bên có dòng chữ Nguyễn Tuấn H cùng hình chữ ký; có dòng chữ ghi xác nhận *ban xanh đạo sư đoàn*, cùng hình chữ ký và dòng chữ Đại tá Nguyễn Tuấn H; 01 đôi giấy tập học sinh đã qua sử dụng (ghi nhiều nội dung) có hình chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 tờ giấy pho to căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 tờ giấy photo căn cước công dân mang tên Trần Văn O, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H. Đây là vật chứng của vụ án nên lưu cùng hồ sơ vụ án.

- Đối với: 01 điện thoại di động (không xác định nhãn hiệu) đã qua sử dụng có số sêri R9YRA06G62N. Bên trong có 02 sim, trên mặt sim có các số gồm 8984048000385464497; 8401230212151266; 01 xe môt tô hiệu Nouvo biển số 79T2 - 7758 (đã qua sử dụng), không kiểm tra tình trạng bên trong, xe không khởi động được; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 79T2 - 7758; 02 xe đạp hiệu Martin (đã qua sử dụng); 01 xe đạp điện màu xanh (không sử dụng được); 01 xe đạp điện màu đỏ đô (không sử dụng được). Đây là tang vật của vụ án, có giá trị sử dụng nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với: 01 dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu hình chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H, không xác định được chất liệu (đã qua sử dụng); 01 dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu tên Đại tá Nguyễn Tuấn H, không xác định được chất liệu (đã qua sử dụng). Đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để phạm tội, không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Kim T, có nhận 02 lần tiền do bà L đưa và nhờ nhận dùm bị cáo (chị T không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền). Khi bà L đưa tiền chỉ nói nhờ chị T đưa cho bị cáo, không nói tiền gì. Chị T cũng không hỏi bị cáo việc bà L đưa tiền. Do chị T không biết tiền nhận dùng bị cáo là tiền chiếm đoạt của bà L nên chị T không phạm tội với vai trò đồng phạm trong vụ án.

[9] Đối với anh V và anh Đ (không rõ họ tên địa chỉ). Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được 02 đối tượng này. Theo lời khai của bị cáo, bị cáo nhờ anh Vũ và anh Đực điện thoại cho bà L nói nội dung là yêu cầu bà L đưa tiền cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo không nói cho anh V và anh Đ biết việc kêu bà L đưa tiền là lừa đảo, chiếm đoạt tiền của bà L. Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ phạm tội thì xử lý anh Vũ và anh Đực sau.

[10] Đối với Nguyễn Thị Băng Tâm, bị cáo có chuyển vào tài khoản chị T nhiều lần tiền. Bị cáo có nói là tiền đi làm công nhân dành dụm được và nhờ chị T rút số tiền 46.100.000 đồng đưa cho mẹ ruột bà Đỗ Kim N cất giữ dùm bị cáo. Chị Tâm đã rút tiền đưa cho bà N. Chị T đã giao nộp số tiền 46.100.000 đồng (nộp dùm bà N), cho cơ quan điều tra. Chị T và bà N không biết tiền đó là tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt nên không phạm tội.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[12] Kiểm sát viên trình bày, căn cứ vào những chứng cứ, những tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và xác định bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đề nghị mức hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh và hình phạt:*

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174 và Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc K phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là 19 tháng 02 năm 2024.

2. *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, lưu theo hồ sơ: 01 (một) giấy pho to căn cước công dân tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, mặt bên: có dòng chữ Nguyễn Tuấn H cùng hình chữ ký; có dòng chữ ghi xác nhận ban xanh đạo sư đoàn, cùng hình chữ ký và dòng chữ Đại tá Nguyễn Tuấn H, 01 (một) đôi giấy tập học sinh đã qua sử dụng (ghi nhiều nội dung) có hình chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 (ba) tờ giấy pho to căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H; 03 (ba) tờ giấy pho to căn cước công dân mang tên Trần Văn O, sinh năm 1967 ngụ ấp G, xã P, huyện Tân Phú Đông, mặt bên có chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H.

Tịch thu, sung công quỷ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động (không xác định nhãn hiệu) đã qua sử dụng, có số sêri R9YRA06G62N. Bên trong có 02 (hai) sim, trên mặt sim có các số gồm 8984048000385464497; 8401230212151266; 01 (một) xe môt tô hiệu Nouvo biển số 79T2 - 7758 (đã qua sử dụng), không kiểm tra tình trạng bên trong, xe không khởi động được; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 79T2 – 7758; 02 (hai) xe đạp hiệu Martin (đã qua sử dụng; 01 (một) xe đạp điện màu xanh (không sử dụng được); 01 (một) xe đạp điện màu đỏ đô (không sử dụng được).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu hình chữ ký và tên Nguyễn Tuấn H, không xác định được chất liệu (đã qua sử dụng); 01 (một) dấu hình chữ nhật sử dụng đóng dấu tên Đại tá Nguyễn Tuấn H, không xác định được chất liệu (đã qua sử dụng).

(Tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa Công an huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang và Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang).

Thi hành khi án có hiệu lực.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quốc K phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn*) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND H.Tân Phú Đông.
- CQ CSĐT; THA hình sự CA H.TĐ.
- Nhà tạm giữ CA H.Tân Phú Đông.
- Chi cục THADS H.Tân Phú Đông.
- UBND xã Tân Hòa Thành, H.Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- Bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác.
- Bộ phận THA phạt tù.
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Nhi